

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh P**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25/08/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa chị T với anh P.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Chung

2. Ông Nguyễn Hữu Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị T Linh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực
4- Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Đức Trọng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc
Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 65/2025/TLST-HNGĐ ngày
04 tháng 03 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 07 năm 2025, giữa các
đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996

Địa chỉ: thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

2. *Bị đơn:* Anh Hồng Văn P, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn S, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1976

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình
bày: Chị kết hôn với anh Hồng Văn P năm 2017. Trước khi kết hôn, chị và anh P
có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau

khi kết hôn, chị và anh P về chung sống cùng nhau ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh P đến đầu năm 2025 thì nảy sinh mâu thuẫn. Chị và anh P thường B xảy ra cãi nhau, khiến cuộc sống ngày càng nặng nề, ngột ngạt. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị gia đình hai bên động viên khuyên bảo Mều lần nhưng vợ chồng chị vẫn không thể hòa hợp được. Hiện nay do quá Mều mâu thuẫn, mệt mỏi, chị và anh P đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh P đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hồng Văn P.

Về con chung: Chị và anh Hồng Văn P sinh được 02 con chung là Hồng Yến M, sinh ngày 02/11/2017 và Hồng Hà Q, sinh ngày 29/04/2020. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con Hồng Yến M, còn giao cháu Hồng Hà Q cho anh P nuôi dưỡng. Tuy Mên do chị không có nhà nên tạm giao cháu M cho bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng. Hàng tháng chị có trách Mệm gửi cho bố mẹ chị 5.000.000 đồng/tháng để nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con, chị và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Hồng Văn P trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, chị T về nhà anh sinh sống ngay. Anh và chị T chung sống hòa thuận, hạnh P đến khi chị T đi xuất khẩu lao động năm 2020. Trong thời gian chị T ở nước ngoài, tình cảm vợ chồng xa cách, không thường B liên lạc với nhau. Từ đầu năm 2022 anh và chị T không liên lạc gì với nhau nữa. Anh cũng không biết vì sao anh chị lại chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T sinh được 02 con chung là Hồng Yến M, sinh ngày 02/11/2017 và Hồng Hà Q, sinh ngày 29/04/2020. Cháu M đang ở cùng với bố mẹ chị T, cháu Q đang ở với anh. Ly hôn, anh nhất trí với ý kiến chị T, cháu Q giao cho anh nuôi dưỡng, cháu M trong thời gian chị T không có nhà sẽ giao cho bố mẹ chị M chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đang làm công nhân tại khu công nghiệp Quang Châu, thu nhập 19.000.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D đều trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T và anh Hồng Văn P sinh được hai con chung như anh P, chị

T khai. Hiện nay cháu Hồng Hà Q đang ở với anh P, cháu Hồng Yến M đang ở với vợ chồng ông bà. Các cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hàng tháng chị T vẫn gửi tiền về chăm sóc con cái. Mặc dù vợ chồng ông bà làm ruộng nhưng vẫn đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu Hồng Yến M.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Hồng Văn P. Về con chung giao cho anh Hồng Văn P nuôi con Hồng Hà Q, giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con là Hồng Yến M, nhưng tạm giao cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng trong thời gian chị T không có nhà. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Hồng Văn P. Đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt (đều có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Hồng Văn P trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) ngày 08/05/2017, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh P, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị T và anh P chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin ly hôn, anh P đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T và anh Hồng Văn P ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Hồng Văn P sinh được 02 con chung là Hồng Yến M, sinh ngày 02/11/2017 và Hồng Hà Q, sinh ngày 29/04/2020. Cháu M đang ở cùng với bố mẹ chị T, cháu Q đang ở với anh P. Cháu M có nguyện vọng tiếp tục được ở với chị T và ông bà ngoại; chị T và anh P nhất trí giao cháu Q cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu M cho Chị T nuôi dưỡng, nhưng do cháu M đang ở với bố mẹ chị T là ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D trong thời gian chị T không có nhà, nên tạm giao cháu M cho ông B, bà D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T có nhà. Thỏa thuận của các đương sự phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Anh Hồng Văn P, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét. Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho ông B, bà D 5.000.000 đồng/tháng phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Buộc chị Nguyễn Thị T có trách Nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D 5.000.000 đồng/tháng, kể từ ngày 26/08/2025 cho đến khi chị T trực tiếp nuôi con hoặc đến khi cháu Hồng Yến M đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004666 ngày 04/03/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Chị Nguyễn Thị T còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Hồng Văn P.

2. Về con chung: Giao cho anh Hồng Văn P nuôi con là Hồng Hà Q, sinh ngày 29/04/2020; giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con là Hồng Yến M, sinh ngày

02/11/2017, nhưng tạm giao cháu M cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D nuôi dưỡng cho đến khi chị T có nhà. Chị Nguyễn Thị T, anh Hồng Văn P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh P thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Nguyễn Thị T có trách Mềm cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị D 5.000.000 đồng/01 tháng, kể từ ngày 26/08/2025 cho đến khi chị T trực tiếp nuôi cháu Hồng Yến M hoặc đến khi cháu Hồng Yến M đủ 18 tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004666 ngày 04/03/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về kháng cáo*: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân